



암을 알아야, 암을 이깁니다.

다문화 가정을 위한 암 예방법, 국가지원프로그램 안내(베트남어)



Phải hiểu rõ ung thư, thì mới chiến thắng được ung thư

Tài liệu hướng dẫn chương trình hỗ trợ quốc gia
về phương pháp phòng ngừa
bệnh ung thư dành cho gia đình đa văn hóa
(tiếng Việt)



차 례

Mục lục

국민 암예방 10대 수칙 안내

10 nguyên tắc phòng ngừa ung thư cho người dân

국가암검진 사업안내

Thông tin về chương trình tầm soát ung thư quốc gia

암환자의료비지원사업 안내

Thông tin về chương trình hỗ trợ chi phí y tế cho bệnh nhân ung thư



국민 암예방 10대 수칙 안내

10 nguyên tắc phòng
ngừa ung thư cho người dân

암은 예방이 가능합니다! Ung thư có thể được phòng ngừa!

암은 우리나라 국민의 사망원인 1위인 질환으로 기대수명(83세)까지 산다면 남성은 5명 중 2명, 여성은 3명 중 1명이 걸릴 수 있습니다.

Ung thư là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ở nước ta. Nếu sống đến tuổi thọ kỳ vọng (83 tuổi), ở nam giới cứ 5 người thì có 2 người, ở nữ giới cứ 3 người thì có 1 người có khả năng mắc bệnh ung thư.

세계보건기구(WHO)는 암 발생 인구의 1/3은 예방이 가능하고, 1/3은 조기진단으로 완치가 가능하며 나머지 1/3도 적절한 치료를 하면 극복이 가능하다고 합니다.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), 1/3 dân số mắc bệnh ung thư có thể phòng ngừa được, 1/3 số khác có thể được điều trị khỏi hoàn toàn nếu được phát hiện sớm, 1/3 còn lại tình trạng bệnh có thể cải thiện nếu được điều trị phù hợp.

암 사망의 약 20%는 흡연, 약 10%는 음주와 식이요인, 약 5%는 비만과 신체활동 부족에 의한 것입니다. 즉, 암으로 인한 사망의 상당부분이 생활습관 속 요인에 의한 것입니다.

Trong số các trường hợp tử vong do ung thư, khoảng 20% nguyên nhân là do hút thuốc lá, khoảng 10% là do thực phẩm và sử dụng thức uống chứa cồn như bia, rượu, khoảng 5% do béo phì và ít vận động cơ thể. Điều đó có nghĩa, phần lớn nguyên nhân gây nên tử vong do ung thư đến từ thói quen sinh hoạt hàng ngày.

따라서 일상생활에서 적용할 수 있는 암예방 생활습관 실천과 검진으로 암을 예방할 수 있습니다. Theo đó, ung thư có thể ngăn ngừa bằng cách kiểm tra sức khỏe và thực hiện các thói quen sinh hoạt phòng chống ung thư hàng ngày.

암을 예방하는 10가지 생활수칙

10 nguyên tắc sinh hoạt
phòng ngừa ung thư



담배를 피우지 말고, 남이 피우는 담배 연기도 피하기
Không hút **thuốc lá**, tránh tiếp xúc với khói thuốc lá



채소와 과일을 충분히 먹고, 다채로운 식단으로 균형 잡힌 **식사**하기
Ăn đủ rau xanh và trái cây, **ăn uống** cân bằng và thực đơn đa dạng



음식을 **짜지** 않게 먹고, **탄** 음식을 먹지 않기
Không ăn **mặn**, không ăn **thức** ăn bị **cháy**



암예방을 위하여 하루 한두잔의 소량 **음주**도 피하기
Để phòng ngừa ung thư, tránh **uống rượu bia** dù chỉ là một hai chén rượu nhỏ mỗi ngày



주 5회 이상, 하루 30분 이상, 땀이 날 정도로 걸거나 **운동**하기
Nên **tập thể dục** hoặc đi bộ nhanh ra mồ hôi ít nhất 30 phút mỗi ngày, ít nhất 5 lần mỗi tuần



자신의 체격에 맞는 건강 **체중** 유지하기
Duy trì **trọng lượng cơ thể** ở trạng thái khỏe mạnh, phù hợp với vóc dáng của cơ thể



예방접종 지침에 따라 B형 간염과 자궁경부암 **예방접종** 받기
Tiêm phòng ung thư cổ tử cung và viêm gan siêu vi B theo quy định tiêm chủng



성 매개 감염병에 걸리지 않도록 **안전한 성생활** 하기
Sinh hoạt tình dục an toàn nhằm tránh các bệnh lây lan qua đường tình dục



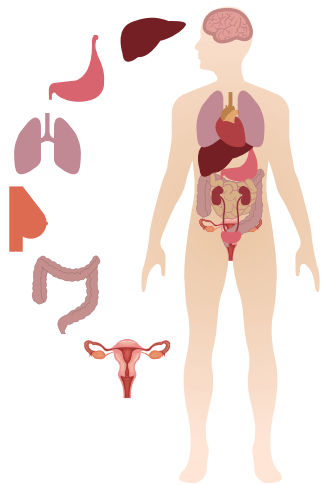
발암성 물질에 노출되지 않도록 작업장에서 안전 보건 수칙 지키기
Tuân thủ quy định an toàn sức khỏe tại nơi làm việc nhằm tránh phơi nhiễm với các **chất gây ung thư**



암 조기 검진 지침에 따라 **검진**을 빠짐없이 받기
Tuân thủ lịch **kiểm tra** định kỳ để phát hiện ung thư sớm

국가암검진 사업 안내

Thông tin chương trình
tầm soát ung thư quốc gia



국가암검진 사업이란 무엇인가요?

Chương trình tầm soát ung thư quốc gia là gì?

우리나라는 보건복지부와 국립암센터, 국가암검진 권고안 제·개정위원회가 2015년 개발한 암검진 권고안을 기반으로 6대암 검진 프로그램을 제공합니다.

Căn cứ vào Đề án khuyến cáo tầm soát ung thư quốc gia do Bộ Y tế Phúc lợi và Trung tâm Ung thư Quốc gia, Ủy ban Cải cách sửa đổi Đề án khuyến cáo tầm soát ung thư quốc gia ban hành năm 2015, nước ta đã đưa ra chương trình tầm soát 6 loại bệnh ung thư.

의료급여수급권자와 건강보험가입자 중 보험료 부과기준 하위 50%에 해당하는 국민은 국가암검진 사업에서 제공하는 검진을 무료로 받을 수 있으며, 검진비용은 국가가 부담합니다.

Người dân thuộc nhóm đối tượng hưởng trợ cấp chăm sóc y tế và đối tượng tham gia bảo hiểm sức khỏe với mức phí bảo hiểm giá trị dưới 50%, sẽ được khám sàng lọc miễn phí thuộc Chương trình tầm soát ung thư quốc gia. Chi phí tầm soát do nhà nước chi trả.

국가암검진 사업은 왜 시행하나요?

Lý do cần thực hiện Chương trình tầm soát ung thư quốc gia?

암을 조기에 발견해서 암 치료율을 높이고 급격히 증가하는 암발생과 사망을 줄이기 위해 국가가 수행하는 암검진 사업입니다.

Đây là chương trình tầm soát ung thư do nhà nước triển khai thực hiện nhằm mục đích phát hiện sớm ung thư, nâng cao tỉ lệ điều trị ung thư, giảm tỉ lệ mắc bệnh ung thư và tử vong đang tăng lên đột biến.

국가암검진 프로그램

Chương trình tầm soát ung thư quốc gia

우리나라에서 흔히 발생하는 위암, 간암, 대장암, 유방암, 자궁경부암, 폐암은 비교적 간단한 방법으로 암을 조기에 발견할 수 있으며, 조기에 발견하여 치료하면 90% 이상 완치가 가능합니다.

Những loại bệnh ung thư phổ biến ở nước ta gồm ung thư dạ dày, ung thư gan, ung thư đại tràng, ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư phổi đều có thể được phát hiện sớm bằng phương pháp tầm soát tương đối đơn giản, và trên 90% các ca có thể được điều trị khỏi hẳn nếu được phát hiện và điều trị ngay từ giai đoạn đầu.

	대상 對象	주기 Chu kỳ
위암 Ung thư dạ dày	40세 이상 남녀 Ở nam, nữ từ 40 tuổi trở lên	2년 2 năm
간암 Ung thư gan	40세 이상 남녀 중 간경변증, B형 간염항원 양성, C형 간염항체 양성, B형 또는 C형 간염 바이러스에 의한 만성 간질환 환자 Ở nam, nữ từ 40 tuổi trở lên, những người dương tính với kháng nguyên viêm gan B, kháng thể viêm gan C; mắc bệnh mãn tính do virus viêm gan B, C	6개월 6 tháng
대장암 Ung thư đại tràng	50세 이상 남녀 Ở nam, nữ từ 50 tuổi trở lên	1년 1 năm
유방암 Ung thư vú	40세 이상 여성 Ở nữ giới từ 40 tuổi trở lên	2년 2 năm
자궁경부암 Ung thư tử cung	20세 이상 여성 Ở nữ giới từ 20 tuổi trở lên	2년 2 năm
폐암 Ung thư phổi	54세 이상 74세 이하 남녀 중, 30갑년 이상의 흡연력을 가진 흡연자 Nam, nữ từ 54 tuổi đến 74 tuổi có tiền sử hút thuốc lá một năm từ 30 gói trở lên	2년 2 năm

누가 받을 수 있나요?

Những đối tượng nào có thể được tầm soát ung thư?

의료급여수급권자 (Đối tượng được hưởng trợ cấp chăm sóc y tế)

건강보험가입자거나 피부양자로 당해 연도 검진 대상자 중 보험료 부과 기준(전년도 11월 부과 기준) 하위 50%인 사람
Người tham gia bảo hiểm sức khỏe hoặc người phụ thuộc có mức đóng phí bảo hiểm dưới 50% (dựa vào mức đóng của tháng 11 năm trước) và thuộc đối tượng được tầm soát ung thư của năm
위암, 간암, 대장암, 유방암, 자궁경부암, 폐암으로 진단되어 산정특례제도에 등록되어 있는 경우 해당암에 대한 국가암검진 대상자에서 제외되며, 그 기간 동안 해당 암검진은 수검한 것으로 인정됩니다.

Trường hợp chẩn đoán mắc bệnh ung thư dạ dày, ung thư gan, ung thư đại tràng, ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư phổi và đã được đăng ký vào chế độ hỗ trợ đặc biệt sẽ không nằm trong đối tượng được tầm soát ung thư quốc gia cho bệnh ung thư đang mắc phải, và trong thời gian này, tầm soát ung thư được xem là đã thực hiện.

※ 산정특례제도는 암환자가 해당 암 치료에 대해 지출되는 의료비 부담을 완화하기 위하여 등록일로부터 5년간 본인부담률을 경감하는 제도입니다.
※ Chế độ hỗ trợ đặc biệt là chế độ giảm thiểu phần chi phí mà cá nhân phải chịu trong suốt 5 năm, tính từ ngày đăng ký để giúp giảm bớt gánh nặng về chi phí điều trị mà bệnh nhân phải chịu cho việc điều trị bệnh ung thư.

언제 받을 수 있나요?

Thời điểm thực hiện tầm soát ung thư?

국민건강보험공단에서 보내드린 검진 안내문을 받은 해당 연도 12월 말까지 받으시면 됩니다.
(단, 위암, 대장암의 2단계 이상 검진과 폐암 검진 이후 사후 결과 상담은 다음 연도 1월 말까지 실시 가능합니다.)

Những người đã nhận được thông báo khám tầm soát ung thư từ Tập đoàn Bảo hiểm y tế quốc gia đều có thể được khám trong thời gian đến hết tháng 12 của năm tương ứng.

(Tuy nhiên, sau khi tầm soát trên 2 giai đoạn với bệnh ung thư dạ dày, ung thư đại tràng và tầm soát ung thư phổi, việc tư vấn kết quả sau đó được thực hiện cho đến cuối tháng 1 năm tiếp theo.)

어디서 받을 수 있나요?

Thực hiện tầm soát ung thư ở đâu?

검진 안내문에 안내된 검진기관에 사전 예약(전화 예약) 후 방문하면 됩니다.

Bạn cần đặt lịch hẹn (qua điện thoại) trước khi tới khám tại các Trung tâm y tế được liệt kê trong thông báo khám tầm soát ung thư.

어떻게 해야 받을 수 있나요?

Cách thức để được thực hiện tầm soát ung thư?

국가암검진 대상자임을 증명하는 암검진표와 신분증을 지참하고 검진기관을 예약 후 방문하여 검진을 받으시면 됩니다.
Bạn cần đặt lịch khám với cơ quan y tế trước khi thăm khám. Khi tới nơi, bạn cần mang theo chứng minh thư nhân dân và phiếu khám tầm soát ung thư có chứng nhận thuộc diện được hưởng chính sách tầm soát ung thư quốc gia.

안내를 받지 못했거나 암검진표가 없다면 국민건강보험공단에 문의(☎1577-1000)하거나 국민건강보험공단 홈페이지(<http://nhis.or.kr>)에서 암검진 대상자 확인 및 암검진표 출력이 가능합니다.

Trường hợp không nhận được thông báo, hoặc không có phiếu khám tầm soát ung thư, có thể liên hệ tới Cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia (☎1577-1000) hoặc kiểm tra đối tượng được khám tầm soát ung thư và in phiếu khám tầm soát ung thư tại trang web của Cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia (<http://nhis.or.kr>).

※ 의료급여수급권자는 해당 주소지 보건소에서 암검진표 출력이 가능합니다.
※ Người hưởng trợ cấp chăm sóc y tế có thể in phiếu khám tầm soát ung thư tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe nơi cư trú.

암환자의료비지원사업 안내

Thông tin Chương trình hỗ trợ chi phí điều trị cho bệnh nhân ung thư

암환자의료비지원사업은 왜 시행하나요?

Tại sao cần thực hiện Chương trình hỗ trợ chi phí điều trị cho bệnh nhân ung thư?

저소득층 암환자에게 의료비를 지원하여 경제적인 부담을 줄이고, 치료율을 높이기 위해 시행합니다.

Chương trình được thực hiện nhằm hỗ trợ chi phí y tế cho bệnh nhân ung thư thu nhập thấp, giảm bớt gánh nặng về tài chính, tăng tỉ lệ được điều trị bệnh.

소아암은 유전적인 요인이 많아 조기 진단과 예방이 어렵지만 치료결과가 좋고(5년 생존율 80%) 치료 후 삶의 기간도 길기 때문에 소아 암환자에 대한 정책적인 지원이 필요하여 시행합니다.

Bệnh nhi ung thư là nhóm đối tượng khó được phát hiện sớm và phòng ngừa do nguyên nhân mắc ung thư mang tính di truyền, nhưng lại có kết quả điều trị khả quan(tỉ lệ sống 5 năm là 80%), và thời gian sống sau khi điều trị có thể kéo dài, vì vậy cần thực hiện chính sách hỗ trợ cho bệnh nhi bị ung thư.

소아 암환자

Bệnh nhi ung thư

소아 암환자란? Thế nào là bệnh nhi ung thư?

18세 미만의 암환자

Là bệnh nhân dưới 18 tuổi mắc bệnh ung thư

지원 대상 Đối tượng hỗ trợ

① 의료급여수급권자 및 차상위계층

(건강보험 차상위본인부담경감대상자로 건강보험증의 구분자 코드 C, E 코드 해당자)

Đối tượng hưởng trợ cấp chăm sóc y tế và tầng lớp cận nghèo

(người thuộc tầng lớp cận nghèo được giảm phí bảo hiểm sức khỏe do bản thân tự chi trả và tương ứng với mã phân loại C, E trong thẻ bảo hiểm sức khỏe)

② 건강보험가입자 중 소아 암환자 가구 소득 및 재산기준이 의료비 지원기준에 적합한 사람

Bệnh nhi ung thư thuộc nhóm tham gia bảo hiểm sức khỏe, mức thu nhập và tài sản của gia đình thuộc nhóm phù hợp với điều kiện hỗ trợ chi phí y tế

※ 관할 보건소에서 소아 암환자 가구에 대한 소득 및 재산조사 후 지원 여부를 결정합니다.

※ Trung tâm chăm sóc sức khỏe có thẩm quyền sau khi điều tra mức thu nhập và tài sản của gia đình bệnh nhi sẽ quyết định có hỗ trợ hay không.

지원 제외 대상자 Đối tượng không được hỗ trợ

외국 국적인 자(난민협약에 의한 난민, 북한이탈주민, 영주귀국 사할린 한인을 제외) 및 국외 이주자

Người có quốc tịch nước ngoài (trừ người tị nạn theo công ước về người tị nạn, dân di cư Bắc Triều Tiên, người Hàn trên đảo Sakhalin về nước sinh sống) và những người ra nước ngoài sinh sống.

지원 암종 Nhóm bệnh ung thư được hỗ trợ

악성 신생물(C00~C97),

제자리암(D00~D09),

행동양식 불명 및 미상의 신생물 중 일부(D45, D46, D47.1, D47.3, D47.4, D47.5)

Khối u ác tính (C00~C97),

Ung thư biểu mô tại chỗ (D00~D09),

Một số khối u chưa biết tên và không rõ hành vi(D45, D46, D47.1, D47.3, D47.4, D47.5)

지원 금액 Mức chi phí hỗ trợ

백혈병은 연간 최대 3,000만원, 백혈병 이외의 암은 연간 최대 2,000만원 (조혈모세포이식 시 3,000만원)

Bệnh ung thư máu được hỗ trợ tối đa 1 năm 30 triệu won, các bệnh ung thư khác được hỗ trợ tối đa 1 năm 20 triệu won (hỗ trợ 30 triệu won khi thực hiện cấy ghép tế bào gốc tạo máu)

지원 연령 및 지원 기간 Độ tuổi hỗ trợ & Thời gian hỗ trợ

등록신청일 기준 18세 미만까지 등록 신청 가능

Đăng ký hỗ trợ cho người dưới 18 tuổi tính từ ngày đăng ký

기지원자는 최대 18세가 되는 해까지 연속 지원 가능

Người đăng kí có thể được hỗ trợ liên tục tối đa đến năm tròn 18 tuổi

지원 범위 Phạm vi hỗ trợ

① 암 진단을 받는 과정에서 소요된 검사(진단) 관련 의료비

Chi phí y tế xét nghiệm (chẩn đoán) liên quan, phát sinh trong quá trình khám sàng lọc ung thư

② 암 진단 후 치료비

Chi phí điều trị sau khi chẩn đoán ung thư

③ 암 치료로 인한 합병증 관련 의료비

Chi phí y tế điều trị biến chứng do quá trình điều trị ung thư gây ra

④ 전이된 암 · 재발 암 치료비

Chi phí điều trị trong trường hợp ung thư di căn hoặc tái phát

⑤ 의료비 관련 약제비

Chi phí thuốc men liên quan đến phí điều trị

※ 관할 보건소에 구비서류를 가지고 방문하여 등록신청 및 문의가 가능합니다.

또한 치료를 받는 의료기관 내 사회사업실을 방문하여 지원에 대한 문의가 가능합니다.

※ Vui lòng mang theo hồ sơ cần thiết và đến trực tiếp Trung tâm chăm sóc sức khỏe (trạm y tế) trực thuộc để tư vấn và đăng ký.

Hoặc đến trực tiếp Phòng công tác xã hội của cơ quan y tế đang điều trị để được tư vấn về hỗ trợ.

성인 암환자

Bệnh nhân ung thư là người trưởng thành

지원 대상 Đối tượng hỗ trợ

의료급여수급권자 및 차상위계층 (건강보험 차상위본인부담경감대상자로 건강보험증의 구분자 코드 C, E 코드 해당자)중 18세 이상의 전체 암환자
Bệnh nhân ung thư từ 18 tuổi trở lên thuộc nhóm đối tượng hưởng trợ cấp chăm sóc y tế và tầng lớp cận nghèo (người thuộc tầng lớp cận nghèo được giảm phí bảo hiểm sức khỏe do bản thân tự chi trả tương ứng với mã phân loại C, E trong thẻ bảo hiểm sức khỏe)

지원 암종 Nhóm bệnh ung thư được hỗ trợ

악성 신생물(C00~C97), 제자리암(D00~D09),
행동양식 불명 및 미상의 신생물 중 일부(D45, D46, D47.1, D47.3, D47.4, D47.5)
Khối u ác tính (C00~C97), Ung thư biểu mô tại chỗ (D00~D09),
Một số khối u chưa biết tên và không rõ hành vi(D45, D46, D47.1, D47.3, D47.4, D47.5)

지원 금액 Mức chi phí hỗ trợ

본인일부부담금 및 비급여 본인부담금 구분 없이 연간 최대 300만원까지 지원
Hỗ trợ tối đa 1 năm 3 triệu won không phân biệt phí điều trị được trợ cấp hay phí không được trợ cấp

지원 기간 Thời gian hỗ trợ

최대 연속 3년 Tối đa 3 năm liên tiếp

지원 범위 Phạm vi hỗ trợ

- 1 암 진단을 받는 과정에서 소요된 검사(진단) 관련 의료비
Chi phí y tế xét nghiệm (chẩn đoán) liên quan, phát sinh trong quá trình khám sàng lọc ung thư
- 2 암 진단 후 치료비 Chi phí điều trị sau khi chẩn đoán ung thư
- 3 암 치료로 인한 합병증 관련 의료비
Chi phí y tế điều trị biến chứng do quá trình điều trị ung thư gây ra
- 4 전이된 암 · 재발 암 치료비(원발암의 지원기간에 한하여 연간 지원금액 범위 내에서 지원)
Chi phí điều trị trong trường hợp ung thư di căn hoặc tái phát (Hỗ trợ trong phạm vi khoản tiền hỗ trợ một năm và giới hạn trong thời gian hỗ trợ ung thư nguyên phát)
- 5 의료비 관련 약제비
Chi phí thuốc men liên quan đến phí điều trị
※ 관할 보건소에 방문하여 등록신청 및 문의가 가능합니다. 또한 치료를 받는 의료기관 내 사회사업실을 방문하여 지원에 대한 문의가 가능합니다.
※ Vui lòng đến trực tiếp Trung tâm chăm sóc sức khỏe (trạm y tế) trực thuộc để tư vấn và đăng ký.
Hoặc đến trực tiếp Phòng công tác xã hội của cơ quan y tế đang điều trị để được tư vấn về hỗ trợ.

재난적의료비지원사업 안내

Hướng dẫn Chương trình hỗ trợ chi phí y tế khi thiên tai

지원대상 Đối tượng hỗ trợ

- 1 모든 질환(동일 질환별 입원, 외래 구분 없이 지원)
※ 다만, 질환 특성과 의료적 필요성을 고려해야 하는 경우
(치과, 한방병원, 정신병원 진료 등) 개별심사를 통해 선별 지원

Tất cả bệnh (hỗ trợ không phân biệt điều trị ngoại trú hay nhập viện với cùng một loại bệnh)
※ Tuy nhiên, trường hợp cần xem xét đặc điểm loại bệnh và tính cần thiết về mặt điều trị y tế (như nha khoa, bệnh viện Đông y, bệnh viện tâm thần, v.v), cần tiến hành thẩm định riêng để sàng lọc hỗ trợ.
- 2 소득, 재산, 의료비부담수준 기준에 충족된 자
– 소득기준: 기준중위소득 100%(소득하위 50%)이하 대상
– 재산기준: 지원대상자가 속한 가구의 재산과세표준액이 7억원 이하
– 의료비 부담기준(소득기준에 따라 결정)

Người thuộc các tiêu chuẩn quy định về thu nhập, tài sản, mức tự chi trả chi phí y tế
– Tiêu chuẩn thu nhập: Đối tượng có thu nhập từ 100% trở xuống của mức thu nhập tầm trung (50% thu nhập thấp)
– Tiêu chuẩn tài sản: Tổng giá trị tài sản đánh thuế của hộ gia đình của đối tượng hỗ trợ từ 700 triệu won trở xuống
– Tiêu chuẩn tự chi trả chi phí y tế (xét theo tiêu chuẩn thu nhập)

지원 금액 Chi phí hỗ trợ

- 소득기준에 따라 지원제외항목을 차감한 본인부담 의료비(건강보험이 적용된 본인부담금 제외)의 50~80% 차등 적용
- 지원상한금액: 연간 5,000만원 한도
- 지원상한일수: 질환별 입원진료 일수와 외래진료 일수의 합이 연간 180일 이내(투약일수 제외)

– Hỗ trợ theo bậc, 50~80% chi phí y tế bản thân tự chi trả đã trừ đi những hạng mục không được hỗ trợ tùy theo tiêu chuẩn thu nhập (không bao gồm khoản chi phí bản thân tự chi trả đã áp dụng bảo hiểm y tế)
– Số tiền hỗ trợ tối đa: Giới hạn trong 50 triệu won một năm
– Số ngày hỗ trợ tối đa: Tổng số ngày điều trị nhập viện và điều trị ngoại trú của từng bệnh là tối đa 180 ngày trong 1 năm (không tính số ngày uống thuốc điều trị)

지원 제외 및 제한 Trường hợp ngoại lệ và hạn chế hỗ trợ

- 일상생활에 지장이 없거나 대체진료와 비용편차가 큰 치료, 제도 취지에 부합하지 않는 의료비 제외
- 국가·지자체 지원금 및 민간보험금(실손) 수령(예정)액 차감 후 지원
- Trường hợp điều trị không gây trở ngại cho sinh hoạt thường ngày hoặc có mức chênh lệch chi phí lớn so với liệu pháp thay thế, hay chi phí y tế không phù hợp với mục đích của chương trình
- Hỗ trợ sau khi khấu trừ khoản tiền đã (hoặc sẽ) nhận được từ tiền hỗ trợ của chính phủ, chính quyền địa phương và bảo hiểm tư nhân (tiền đền bù)

지원 신청 Đăng ký nhận hỗ trợ

- 신청방법: 환자 또는 대리인이 국민건강보험공단 지사에 방문하여 지급 신청
- 신청기한: 퇴원일(최종진료일) 다음날부터 180일(토, 공휴일 포함) 이내
- Cách thức đăng ký: Bệnh nhân hoặc người đại diện đến trực tiếp và đăng ký tại các chi nhánh của Cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia
- Thời hạn đăng ký: Trong vòng 180 ngày (bao gồm cả thứ Bảy và ngày nghỉ lễ) kể từ ngày sau ngày xuất viện (ngày điều trị cuối cùng)

개별 심사 Thẩm định riêng

- 기준을 다소 못 미치거나 초과하더라도 반드시 지원이 필요한 사례의 경우 심사를 통해 선별 지원
 - 기준중위소득 100% 초과 200% 이하 가구로서 의료비 부담이 큰 경우
 - 중증질환 외의 질환으로 고액 외래 의료비가 발생한 경우
 - 지원 상한을 초과하는 고액 의료비가 발생한 경우
- Đối với trường hợp đặc biệt thật sự cần được hỗ trợ nhưng bị thiếu hoặc vượt quá một chút so với tiêu chuẩn, sẽ tiến hành thẩm định và hỗ trợ sàng lọc
 - Trường hợp là hộ gia đình có thu nhập vượt quá 100% nhưng từ 200% trở xuống so với mức thu nhập tầm trung và gánh nặng chi phí y tế là khá lớn
 - Trường hợp phải chi trả chi phí điều trị ngoại trú cao do mắc bệnh không phải là bệnh hiểm nghèo
 - Trường hợp phải chi trả chi phí y tế cao vượt quá giới hạn được hỗ trợ tối đa

구비 서류 Hồ sơ cần thiết

- 재난적의료비 지급신청서(신분증 첨부)
- 진단서
- 입(퇴)원확인서
- 진료비 계산서·영수증
- 진료비 영수증에 대한 전체(비급여 포함) 세부내역
- 가족관계증명서(환자 기준 발급)
- 민간보험 가입(계약)서류 및 지급내역 확인서
- 개인정보 수집 이용 및 제공 조회 동의서
- 타 의료비 지원금 등 수령내역 신고서
- 필요 시 구비서류 외 해당자 관련 서류를 별도로 요구할 수 있음
- Đơn đăng ký nhận hỗ trợ chi phí y tế do thiên tai (Đính kèm chứng minh thư)
- Hồ sơ điều trị bệnh
- Chứng nhận nhập viện (xuất viện)
- Hóa đơn, biên bản thanh toán chi phí điều trị
- Nội dung chi tiết về tất cả hóa đơn chi phí điều trị (bao gồm cả khoản không được trợ cấp)
- Chứng nhận quan hệ gia đình (lấy bệnh nhân làm chuẩn)
- Hồ sơ (hợp đồng) đăng ký bảo hiểm tư nhân và Giấy xác nhận lịch sử chi trả
- Đồng ý trích lục, cung cấp và thu thập, sử dụng thông tin cá nhân
- Khai báo đã nhận các tiền hỗ trợ chi phí y tế khác
- Ngoài các hồ sơ trên, có thể yêu cầu thêm các hồ sơ khác liên quan đến đối tượng đăng ký khi cần

문의 Tư vấn hỏi đáp

- 국민건강보험공단 고객센터(1577-1000) 또는 가까운 공단 지사
- 보건복지상담센터(129) www.129.go.kr
- 국민건강보험공단 홈페이지(<http://nhis.or.kr>)
- Trung tâm khách hàng (1577-1000) hoặc chi nhánh gần nhất của Cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia
- Trung tâm tư vấn Y tế và Phúc lợi (129), www.129.go.kr
- Website Cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia (<http://nhis.or.kr>)



오디오파일로 듣기
Nghe dưới dạng Audio



베트남어 (Tiếng Việt)



한국어 (Tiếng Hàn Quốc)

